

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-3-2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Trường

2. Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền– Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 728/2021/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐ-ST ngày 04 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 16 khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Huy C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: đường C, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2021 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Bà và ông Phạm Huy C sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 10 tháng 12 năm 2009. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà M là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông C thiếu trách nhiệm với gia đình, không lo

làm ăn nên vợ chồng bà thường xuyên cãi vã. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Huy C.

Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung là cháu Phạm Lê G, sinh ngày 04-9-2017 và cháu Phạm Lê S, sinh ngày 27-6-2011. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu G và cháu M, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phạm Huy C: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông C đến Tòa án làm việc nhưng ông C không đến làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư kí, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Hôn nhân giữa bà M và ông C là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà M và ông C không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc, bà M không còn tình cảm với ông C, mâu thuẫn giữa bà M và ông C trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn. Ông C không đến làm việc, hòa giải theo triệu tập của Tòa, không tham gia các phiên tòa, không thể hiện mong muốn, thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm với bà M. Xét mâu thuẫn là không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M; Về con chung: 02 con chung là cháu Phạm Lê G, sinh ngày 04-9-2017 và cháu Phạm Lê S, sinh ngày 27-6-2011 hiện đang sinh sống cùng bà M nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu giải quyết nên không đề xuất xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Lê Thị M có đơn khởi kiện về “Ly hôn” với ông Phạm Huy C, có nơi cư trú tại thành phố V nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bà M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông C.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét bà Lê Thị M và ông Phạm Huy C chung sống và đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân Phường D thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 10 tháng 12 năm 2009. Như vậy, hôn nhân giữa bà M và ông C là hợp pháp.

Trong thời gian bà M và ông C sống với nhau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà M là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông C là người thiếu trách nhiệm, không chăm lo gia đình. Vợ chồng bà M thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Ông C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, từ đó cho thấy ông C không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng, chưa thể hiện thiện chí, nguyện vọng muốn hòa giải, đoàn tụ của ông C. Ngoài ra, ông C không tranh thủ sự tác động, động viên, hòa giải của Pháp luật để hàn gắn hôn nhân giữa ông và bà M. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy hiện nay ông C và bà M đã ly thân.

Nay bà M cương quyết ly hôn do không còn tình cảm với ông C. Xét mâu thuẫn của bà M, ông C theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, khả năng đoàn tụ rất khó khăn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà M có cơ sở để xem xét nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Lê G, sinh ngày 04-9-2017 và cháu Phạm Lê S, sinh ngày 27-6-2011. Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh và cháu Ly.

Xét hiện nay cháu G và cháu S đang do bà M trực tiếp nuôi dưỡng, để tránh xáo trộn trong sinh hoạt, tâm lý, sức khỏe... của cháu G và cháu S, thống nhất với nguyện vọng của các con muốn được ở với mẹ, Hội đồng xét xử quyết định: Bà M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu G và cháu S.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà M phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị M và ông Phạm Huy C ly hôn.
2. Về con chung: Là cháu Phạm Lê G, sinh ngày 04-9-2017 và cháu Phạm Lê S, sinh ngày 27-6-2011 sẽ do bà M trực tiếp nuôi dưỡng.
Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.
Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.
Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà M phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001349 ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V. Như vậy, bà M đã thi hành xong án phí.
5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.V;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp.V;
- UBND phường D, TP. V,
tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huê